

Hệ thống giáo dục

Ukraine

Khuyến cáo

Chúng tôi đã tập hợp thông tin để mô tả về các hệ thống giáo dục với sự cẩn trọng lớn nhất. Tuy nhiên, chúng tôi không thể chịu trách nhiệm về hậu quả của sai sót hoặc không đầy đủ thông tin trong tài liệu này.



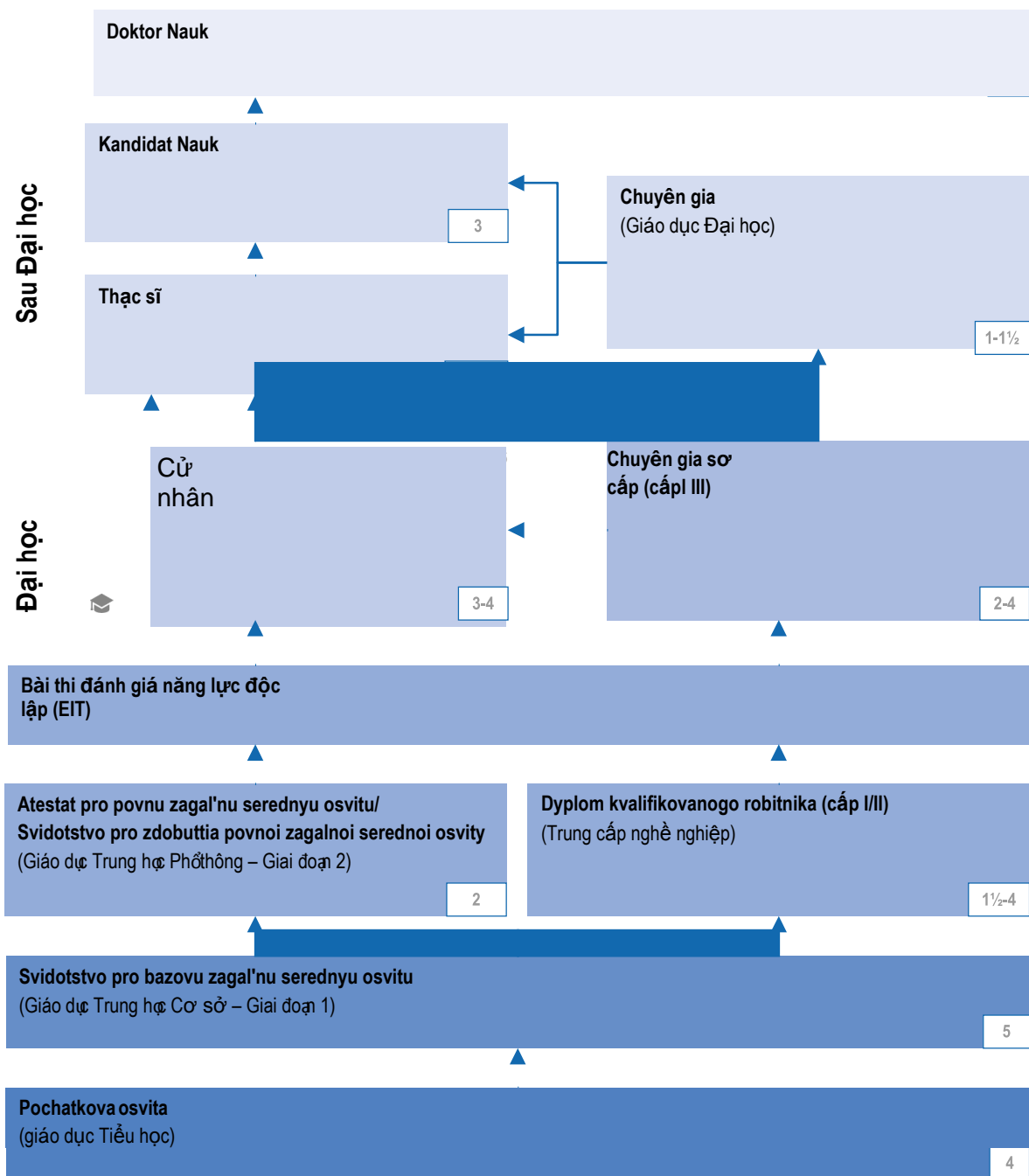
Bản Quyền

Ngoại trừ hình ảnh và hình minh họa, nội dung của tài liệu này thuộc Giấy phép Creative Commons Attribution Non- Commercial 3.0 Unported (CC BY-NC 3.0).

Để biết thêm thông tin về việc tái sử dụng tài liệu này, vui lòng truy cập

<https://www.nuffic.nl/en/home/copyright>.

■ Hệ thống giáo dục Ukrai-na



0 Thời gian đào tạo

Biểu đồ đánh giá

Trong biểu đồ dưới đây, cột bên trái liệt kê các bằng cấp nước ngoài phổ biến nhất với các mức tương ứng trong Khung trình độ Quốc gia và Châu Âu. Những cột còn lại so sánh với Hà Lan, với mức tương ứng trong khung trình độ Hà Lan và châu Âu.

Degree or qualification	Dutch equivalent and NLQF level		EQF level
<i>Dyplom kvalifikovanogo robotnika</i> Qualified worker (level I)	MBO diploma, qualification level 1 or 2	1/2	1/2
<i>Dyplom kvalifikovanogo robotnika</i> Qualified worker with <i>Svidotstvo pro bazovu zagal'nu serednyu osvitu</i> (level II)	HAVO diploma for its general education component	4	4
<i>Atestat pro zagal'nu serednyu osvitu</i> /Certificate of completed secondary education Since 2019: <i>Svidotstvo pro zdobuttia povnoi zagalnoi serednoi osvity</i> /Certificate of completed general secondary education	at least a HAVO diploma	4	4
<i>Dyplom molodshjogo spetialista</i> Junior Specialist diploma (level III)	approximately 2 years of HBO	5	5
<i>Bakalavr</i>	HBO bachelor's degree or 2 years of WO	6	6
<i>Specialist</i> (4 years)	HBO bachelor's degree or 2 years of WO	6	6
<i>Specialist</i> (5-5½ years)	HBO master's degree or at least a WO bachelor's degree	7/6	7/6
<i>Magister</i>	HBO master's degree or approximately a WO bachelor's degree	7/6	7/6

Ghi chú

- Thông tin được liệt kê trong bảng chỉ mang tính chất tham khảo, không phải thước đo để đánh giá các vấn đề pháp lý.
- NLQF = Hệ thống Văn bằng Hà Lan. EQF = Hệ thống Văn bằng Châu Âu

- Khung EQF/[NLQF level](#) không phản ánh chương trình học của mỗi người; thay vào đó là lượng kiến thức và kỹ năng mỗi người sẽ có được sau khi hoàn thành chương trình học.
- Thông tin về các văn bằng tương đương của Hà Lan có thể được tìm thấy trên trang web: [the Dutch education system](#) .
- [The Cooperation Organisation for Vocational Education, Training and the Labour Market \(SBB\)](#) , kiểm định các văn bằng nước ngoài ở trình độ VMBO và MBO. Sự kiểm định có thể khác nhau khi SBB xem xét các trường hợp VET schools hoặc để tham gia vào thị trường lao động của Hà Lan.

■ Giới thiệu

Từ khi Liên Xô tan rã năm 1991, Ukraine là một quốc gia độc lập.

Trong vài thập kỷ qua, chúng ta đã chứng kiến Ukraine trải qua thời kỳ hỗn loạn về chính trị và kinh tế, chắc chắn rằng những vấn đề phát sinh này đã tác động đến hệ thống giáo dục của cả nước. Ban đầu, Ukraine trải qua một thời kỳ suy kiệt, vì những nhà khoa học, học giả giỏi nhất còn lại từ thời Liên Xô đã rời đi để làm việc tại các trường đại học và viện nghiên cứu ở Tây Âu và Mỹ. Tuy nhiên, điều này đồng thời dẫn đến nhiều thời gian và không gian hơn cho những sự phát triển sáng kiến tư nhân theo nghĩa chung, bao gồm cả các hình thức giáo dục cao hơn và khác.

Luật Giáo dục Đại học Ukraine có hiệu lực vào năm 2002, đưa ra những thay đổi cho hệ thống giáo dục mà cho đến lúc đó vẫn đang được tổ chức tập trung và đơn nhất. Cấu trúc mới được xây dựng mang lại sự đa dạng hóa và phân cấp, thành lập các tổ chức giáo dục mới (bao gồm cả các tổ chức tư nhân), thay đổi chương trình giảng dạy và sự ra đời của một hệ thống chương trình học song song. Bộ Giáo dục và Khoa học Ukraine chịu trách nhiệm cho những thay đổi này.

Các tổ chức giáo dục đại học được công nhận được giám sát bởi Hội đồng đào tạo bao gồm các hiệu trưởng trường đại học. Các tổ chức cá nhân được lãnh đạo bởi một hiệu trưởng. Trong trường hợp của các tổ chức tư nhân, người chịu trách nhiệm là chủ sở hữu/người sáng lập. Cũng là thông lệ khi một Ban kiểm soát được bổ nhiệm ở mỗi cơ sở giáo dục.

Giáo dục đại học Ucraina có một hệ thống thống nhất, trong đó sự khác biệt giữa giáo dục đại học và giáo dục trung cấp nghề nghiệp thường phân chia không rõ ràng. Một số chương trình nghiên cứu chứa các yếu tố của cả giáo dục chuyên nghiệp và giáo dục đại học. Một ví dụ là đào tạo giáo viên tiểu học được cung cấp tại các trường đại học sư phạm.

Ngôn ngữ giáo dục chính thức là tiếng Ukraina, mặc dù một số chương trình cũng được cung cấp bằng tiếng Nga hoặc tiếng Anh cho sinh viên nước ngoài.

Giáo dục bắt buộc kéo dài trong 9 năm: 4 năm giáo dục tiểu học (trẻ em 6 / 7-10 / 11) và 5 năm của giai đoạn đầu của giáo dục trung học (trẻ em 10 / 11-15 / 16).

Năm học diễn ra từ ngày 1 tháng 9 đến hết tháng 6.

■ Giáo dục cấp Tiểu học và Trung học

Giáo dục trung học thường kéo dài trong 34 tuần trong năm. Tuần học bao gồm 27-38 giờ hướng dẫn trên lớp. Năm học bắt đầu vào ngày 1 tháng 9, và kéo dài đến đầu tháng sáu. Chương trình giảng dạy cơ bản cho giáo dục trung học được xác định bởi chính phủ, và cũng chứa một số lĩnh vực môn học bắt buộc trong khoa học chính xác, khoa học xã hội và nhân văn.

Giáo dục tiểu học (pochatkova osvita) chiếm 4 năm đầu tiên của giáo dục bắt buộc. Ngoài việc học các môn đọc, viết, số học, kỹ năng ngôn ngữ và kỹ năng xã hội, thời gian đào tạo cũng dành cho việc học các môn giáo dục thể chất, nghệ thuật, âm nhạc và tự nhiên.

Sau khi hoàn thành 4 năm giáo dục tiểu học, học sinh bước vào giai đoạn đầu tiên của giáo dục trung học, trong thời gian 5 năm và kết thúc chương trình giáo dục bắt buộc. Khi kết thúc quá trình học, học sinh phải tham gia một kỳ thi đánh giá trình độ, sau đó, Giấy chứng nhận hoàn thành giai đoạn đầu tiên (cơ sở) của giáo dục trung học. Cấp độ của chứng chỉ này tương đương với 3 năm giáo dục trung học phổ thông ở Hà Lan.

Giai đoạn thứ hai của giáo dục trung học kéo dài không quá 2 năm. Ít nhất mỗi học sinh phải xét kết quả của 15 môn học. Giấy chứng nhận cuối cùng từ giáo dục trung học bao gồm một danh sách có chứa tất cả các môn học mà học sinh đã học và kết quả thu được. Số lượng môn học khác nhau với mỗi trường hợp, nhưng nằm trong khoảng giữa mười bảy và hai mươi. Vào cuối giai đoạn thứ hai, một chứng chỉ hoàn thành giáo dục trung học (*Атестат про повну загальну середню освіту/Atestat pro zagal'nu serednyu osvitu*). Kể từ năm 2019, bằng tốt nghiệp này được gọi là: Chứng nhận giáo dục chung đã hoàn thành (*Свідоцтво про здобуття повної загальної середньої освіти/Svidotstvo pro zdobuttia povnoi zagalnoi serednoi osvity*).

Ngoài ra, học sinh phải làm “Đánh giá độc lập bên ngoài”- một kì kiểm tra đánh giá khác để có thể nhập học vào một cơ sở giáo dục đại học. Nó được tổ chức như một cuộc thi. Các ứng cử viên tốt nhất được mỗi trường đại học lựa chọn.

Về cấp độ, văn bằng *Atestat pro zagal'nu serednyu osvitu/Svidotstvo pro zdobuttia povnoi zagalnoi serednoi osvity* tương đương với ít nhất văn bằng HAVO.

Giáo dục Trung cấp Nghề nghiệp

Cho đến năm 1991, Ukraine vẫn là một phần của Liên Xô và các chương trình định hướng nghề nghiệp được cung cấp như một phần của giáo dục trung học để học sinh xác định trọng tâm chuyên môn. Kể từ khi độc lập vào năm 1991, các chương trình này đã trở thành một phần của các hình thức giáo dục đại học

ngắn hạn hoặc khác.

Sau khi Liên Xô sụp đổ, nhiều tổ chức cung cấp chương trình đào tạo nghề nghiệp (chẳng hạn như *училища/uchylyshcha*) đã được nâng cấp thành 'các trường đại học' molodshogo spetsialista) và cấp văn bằng cử nhân (tiếng Anh là Bachelor/ diplom bakalavra).

Không có mối liên hệ rõ ràng giữa tên (loại) của một cơ sở giáo dục và cấp độ hoặc chất lượng của các văn bằng mà họ cung cấp. Nội dung chương trình và quyết định chất lượng của văn bằng/chứng chỉ. Ví dụ, các tổ chức giáo dục có thể cung cấp cả chương trình Cử nhân Chuyên gia và Chuyên gia Sơ cấp, cùng với các chương trình giáo dục trung cấp nghề nghiệp.

Giáo dục nghề nghiệp có nhiều cấp độ khác nhau. Chúng được thể hiện ở các cấp độ trình độ tương ứng, cấp độ chuyên môn và cấp độ học thuật. Mỗi loại cơ sở đào tạo nghề có các học phần lý thuyết và thực tế. Điều này được phản ánh trong trình độ của văn bằng, chẳng hạn như kĩ sư hoặc Chuyên gia cơ sở. Một sinh viên tốt nghiệp chương trình giáo dục nghề nghiệp, vượt qua các kỳ thi kiểm tra trình độ sẽ được trao bằng tốt nghiệp xác nhận trình độ nghề nghiệp của lĩnh vực chuyên môn được lựa chọn. Một sinh viên tốt nghiệp hoàn thành khóa học tại một trường trung cấp nghề hoặc trung tâm dạy nghề có trình độ cụ thể có thể được cấp bằng cấp của Chuyên gia Sơ cấp.

Giáo dục kỹ thuật và dạy nghề được cung cấp ở 3 cấp độ tại Ukraine:

Level I: *першого ступеню/pershogo stupenyu*

Level II: *другого ступеню/drugogo stupenyu*

Level III: *третього ступеню/tret'ogo stupenyu*

Tùy thuộc vào mức độ và loại nghiên cứu, các chương trình này dẫn đến một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- Lao động có trình độ / диплом кваліфікованого робітника/diplom kvalifikovanogo robitnika; hoặc là
- Chuyên gia sơ cấp / диплом молодшого спеціаліста/diplom molodshogo spetsialista

Đào tạo nghề (cấp I)

Loại chương trình này mới được phát triển để đáp ứng nhanh nhu cầu của các ngành công nghiệp và dịch vụ. Về nguyên tắc, bất cứ ai chưa hoàn thành chương trình học để chứng chỉ, văn bằng (svidotstvo pro bazovu seredniu osvitu) đều có thể được tham gia vào loại hình giáo dục nghề nghiệp này. Các chương trình kéo dài không quá 1 năm. Vào cuối chương trình, học sinh làm bài kiểm tra năng lực nghề nghiệp, và nhận bằng tốt nghiệp với danh hiệu Lao động trình độ Qualified Worker (*диплом кваліфікованого робітника/ diplom kvalifikovanogo robitnika*)

Về cấp độ, Văn bằng *dyplom kwalifikovanogo robitnika/ Chứng nhận năng lực lao động (cấp I)* tương đương với văn bằng MBO cấp level 1 hoặc 2, tùy vào mỗi chuyên ngành.

Đào tạo nghề (cấp II)

Loại hình giáo dục này được cung cấp tại cả hai cơ sở, trường dạy nghề (учи́наща / uchylshcha) và các trường cao đẳng kỹ thuật chuyên môn (технікуми / technikumy). Thời gian đào tạo của chương trình phụ thuộc vào trình độ học vấn của sinh viên, mỗi sinh viên nếu có các điều kiện như Svidotstvo pro bazovu zagal'nu serednyu osvitu, hoặc hoàn thành 9 năm giáo dục bắt buộc tiểu học và trung học, thoả mãn yêu cầu nhập học tối thiểu. Thời lượng của các chương trình này thay đổi từ 1-3 năm.

Học sinh có Atestat pro zagal'nu serednyu osvitu / Svidotstvo pro zdobuttia povnoi zagalnoi serednoi osvity có thể hoàn thành chương trình trong 1-1½ năm.

Sinh viên tốt nghiệp được trao danh hiệu Lao động trình độ (*Диплом кваліфікованого робітника/dyplom kwalifikovanogo robitnika*), cho phép người học được thực hành nghề nghiệp.

Về nguyên tắc, học sinh kết hợp giáo dục nghề nghiệp với giáo dục trung học phổ thông (năm 10-11) có thể làm bài kiểm tra đầu vào để được nhận vào đại học.

Về cấp độ, văn bằng *dyplom kwalifikovanogo robitnika/ Chứng nhận năng lực lao động (cấp II)* tương đương với văn bằng HAVO cho phần giáo dục chung.

Tại Ukraine, các chương trình đào tạo nghề cấp 2 là một phần của bộ phận Giáo dục Đại học và được thông tin thêm mở link: [University and higher professional education](#).

■ Tuyển sinh vào cấp Giáo dục Đại học

Trong năm cuối cùng của giáo dục trung học, một kì đánh giá độc lập bên ngoài sẽ được tổ chức trên phạm vi toàn quốc. Việc lựa chọn các môn học để kiểm tra là tùy thuộc vào mỗi học sinh và chương trình giáo dục đại học mà họ muốn theo học. Về nguyên tắc, mỗi cơ sở giáo dục đại học được quyền đặt ra các yêu cầu đầu vào của riêng mình. Atestat pro zagal'nu serednyu osvitu/ Svidotstvo pro zdobuttia povnoi zagalnoi serednoi osvity và kết quả của kì Đánh giá bên ngoài độc lập này là cơ sở để xét tuyển vào giáo dục đại học.

■ Giáo dục Đại học

Giáo dục đại học được cung cấp tại các trường đại học, học viện và viện nghiên cứu, trường kỹ thuật, cao đẳng, nhạc viện (học viện âm nhạc). Tất cả các tổ chức này cung cấp cả chương trình học tập và định hướng chuyên nghiệp.

Luật Giáo dục Đại học Ucraina (2002) quy định bốn cấp độ công nhận cho các tổ chức giáo dục đại học:

1. Các tổ chức giáo dục đại học ở cấp độ thứ nhất trao văn bằng Chuyên gia sơ cấp;
2. Các tổ chức giáo dục đại học ở cấp độ thứ hai trao văn bằng Chuyên gia và/hoặc Cử nhân;
3. Tổ chức giáo dục đại học ở cấp độ thứ ba trao văn bằng Cử nhân, Trình độ chuyên gia và thạc sĩ;
4. Các tổ chức giáo dục đại học ở cấp độ thứ tư cấp văn bằng Chuyên gia, Cử nhân và Thạc sĩ. Một số tổ chức cấp bốn cũng cung cấp aspirantura (Kandidat Nauk).

Cấp độ được đào tạo của một tổ chức giáo dục đại học được xác định một phần bởi các loại chương trình những trường này cung cấp.

Cấp độ III hoặc IV phụ thuộc vào kết quả của quy trình kiểm định chất lượng cơ sở được quy định trong (Điều 43 Nghị định của Ukraine 'Về giáo dục'. Các viện có thể hoạt động độc lập, hoặc thuộc sự bảo trợ của trường đại học hoặc học viện. Các chuyên ngành có thể được đào tạo ở một lĩnh vực duy nhất, chẳng hạn như âm nhạc hoặc nghệ thuật thị giác.

Các trường cao đẳng thuộc cấp độ công nhận thứ hai, cung cấp các chương trình giáo dục nghề nghiệp. Các cơ sở giáo dục này đôi khi là một phần của tổ chức giáo dục đại học với cấp độ đào tạo 3 hoặc 4.

Các tổ chức chuyên về giáo dục kỹ thuật hoặc trung cấp nghề với cấp 1 được gọi là Technikums hoặc uchilishes. Giống như các trường Cao đẳng, các cơ sở này có thể là một nhánh của tổ chức giáo dục đại học với trình độ công nhận cấp 3 hoặc 4.

Ukraine hiện có hơn 350 tổ chức giáo dục đại học công lập. Ngoài ra còn có nhiều tổ chức tư nhân, nơi các chương trình về luật, quản lý và tài chính đang phát triển mạnh.

■ Các trường Đại học và cơ sở đào tạo Nghề nghiệp cao cấp

Các cấp độ đào tạo sau đây được cấp bởi các trường đại học và các tổ chức đào tạo nghề nghiệp:

- giáo dục đại học ngắn hạn: Chương trình giáo dục đại học chưa hoàn thiện - *молодший спеціаліст/molodshyi spetsialist* (Chuyên gia sơ cấp);
- chu kỳ đầu tiên của giáo dục đại học: *бакалавр / bakalavr* (Cử nhân);
- chu kỳ thứ hai của giáo dục đại học: *спеціаліст/spetsialist* (Chuyên gia) và Thạc Sĩ / magistr (Master);
- chu kỳ thứ ba của giáo dục đại học: *Кандидат наук / kandydat nauk* (Nghiên cứu sinh) và *доктор наук/doktor nauk* (Tiến Sĩ khoa học).

Chương trình giảng dạy đại học thường kéo dài 36 tuần một năm. Năm học bắt đầu vào ngày 1 tháng 9, thường kéo dài đến tháng 6. Học sinh thường có 27 giờ lên lớp mỗi tuần. Năm học thường được tạo thành từ hai học kỳ, mỗi học kỳ kéo dài 5 tháng.

Chuyên gia sơ cấp

Theo Luật Giáo dục Đại học, văn bằng Chuyên gia sơ cấp được coi là giáo dục đại học không hoàn chỉnh. Các chương trình cấp chứng nhận cấp thứ hai và thứ ba đào tạo trọng tâm chuyên ngành được cung cấp bởi các cơ sở *Tekhnikum* và / hoặc một trường đại học *Uchilishe*.

Trình độ chuyên môn được công nhận không phải là một phần của cấu trúc hệ thống văn bằng cử nhân, Thạc sĩ. Ở Ukraine, Chuyên gia sơ cấp được coi là một trình độ chuyên môn trung cấp. Trình độ chuyên môn được cấp ở một loạt các lĩnh vực, bao gồm các ngành nghề trong lĩnh vực giáo dục, hành chính và công nghệ. Về nguyên tắc, những người có văn bằng này đủ điều kiện để vào học các chương trình cử nhân đại học có liên quan. Từ 1-2 năm học có thể là đủ để được cấp bằng nếu chương trình giáo dục đại học là tương đương.

Yêu cầu để mỗi sinh viên được nhập học là *Atestat pro zagal'nu serednyu osvitu / Svidotstvo pro zdobuttia povnoi zagalnoi serednoi osvity*.

Khi các sinh viên được có *Svidotstvo pro bazovu zagal'nu serednyu osvitu*, họ có thể tham gia học các chương trình Cử nhân. Tuy nhiên, trong thực tế, những sinh viên này theo học những chương trình chuyên sâu hơn, vì nó cũng bao gồm mọi môn học từ giáo dục trung học. Chương trình này thường mất 2-4 năm để hoàn thành.

Về cấp độ, văn bằng *Diplom molodshjogo spetsialista* (Văn bằng Chuyên gia sơ cấp) tương đương với ít nhất 2 năm của chương trình giáo dục nghề nghiệp cao cấp (HBO), tùy thuộc vào thời gian đào tạo và chuyên ngành của chương trình..

Chuyên gia

Các chương trình Chuyên gia cấp giáo dục Đại học có độ dài khác nhau từ 1-1½ năm. Các chương trình thuộc lĩnh vực y học, thú y hoặc dược có thời gian 4-5 năm rưỡi. Nếu người học có văn bằng cử nhân, sẽ chỉ mất thêm 1-2 năm để hoàn thành chương trình này.

Văn bằng này thể hiện trình độ chuyên môn và xác định lĩnh vực độ chuyên môn áp dụng, ví dụ như Giáo viên tiếng Anh. Văn bằng này cũng có thể được theo trong bất kỳ lĩnh vực nghiên cứu nào. Chuyên ngành luôn được nêu trong văn bằng, thêm vào đó là danh sách các môn học và điểm đã đạt được. Các chương trình này kết thúc bằng một bài kiểm tra chung toàn quốc và/hoặc quá trình bảo vệ luận án. Các chương trình chuyên gia hiện đang được cung cấp cho trên 400 chuyên ngành kỹ thuật chuyên sâu và các chuyên ngành chung khác.

Các chương trình Chuyên gia thường tập trung vào thực hành trong môi trường chuyên nghiệp, nhưng về lý thuyết cũng cấp cho người học cơ hội tham gia vào giai đoạn ban đầu của chương trình Tiến sĩ Khoa học hoặc Nghiên cứu sinh (Kandidat Nauk).

Về cấp độ, chương trình Chuyên gia 4 năm *Specialist tương đương với văn bằng Cử nhân HBO* hoặc 2 năm giáo dục Đại học (WO) ở một ngành tương ứng, tùy vào ngành đào tạo và nội dung chương trình.

Về cấp độ, chương trình Chuyên gia 5-5½ năm *Specialist tương đương với văn bằng Thạc sĩ HBO*, hoặc ít nhất là văn bằng Cử nhân WO.

Cử nhân

Các chương trình Bakalavr có thời gian 3-4 năm (hoặc 2-3 năm trên cơ sở nối tiếp Văn bằng Chuyên gia cơ sở) và về mặt lý thuyết, có sẵn trong tất cả các lĩnh vực nghiên cứu. Những năm đầu tiên có tính định hướng rộng, đặc biệt chú trọng vào các môn học như khoa học xã hội, kinh tế, lịch sử, ngoại ngữ và khoa học tự nhiên. Trong một số trường hợp sinh viên có thể hoàn thành khoá học bằng một luận án ngắn (không bắt buộc) hoặc dự án liên quan đến chuyên ngành.

Sau khi hoàn thành chương trình, sinh viên nhận được văn bằng tốt nghiệp cùng với phụ lục (dodatok) liệt kê tất cả các môn học, giờ học, điểm, quá trình thực tập và điểm được trao của kỳ thi cuối cùng cũng như luận án hoặc dự án. Chứng chỉ này đủ điều kiện cho sinh viên tham gia thị trường lao động hoặc tham gia chương trình Chuyên gia hoặc chương trình Thạc sĩ định hướng nghiên cứu của chuyên ngành liên quan.

Chương trình cử nhân được cung cấp bởi các tổ chức giáo dục đại học với cấp

độ II, III và IV.

Về cấp độ, Văn bằng *Bakalavr diploma* tương đương với văn bằng Cử nhân HBO bachelor's degree hoặc tương đương 2 năm giáo dục Đại học (WO), tùy vào nội dung và thời lượng của chương trình đào tạo.

Thạc sĩ

Các chương trình *Magistr* tiếp tục ngay sau chương trình *Bakalavr* kết thúc và có thời gian 1-2 năm, 1-3 năm với ngành y. Bằng tốt nghiệp *Chuyên gia* cũng đủ trình độ để sinh viên theo học.

Các chương trình *Thạc sĩ* thường mang định hướng nghiên cứu. Chương trình kết thúc bằng một bài kiểm tra cấp quốc gia và sinh viên phải bảo vệ luận án của họ.

Bằng tốt nghiệp được cấp cùng phụ lục (*dodatok*) liệt kê tất cả các môn học, giờ học, điểm, thực tập, cũng như các điểm được của kỳ thi cuối cùng và luận án hoặc dự án. Tạo điều kiện cho sinh viên làm bài kiểm tra để theo học tiếp trình độ tiến sĩ.

Mặc dù thời lượng của một số chương trình *Thạc sĩ* kéo dài hơn 1 năm, nhưng có các đặc điểm tương tự như chương trình *Chuyên gia*. Tuy nhiên chương trình *Thạc Sĩ* thiên về nghiên cứu hơn.

Về cấp độ, văn bằng *Magistr* tương đương với văn bằng *Thạc sĩ* HBO hoặc ít nhất tương đương với văn bằng Cử nhân WO, tùy thuộc vào nội dung và thời lượng của chương trình đào tạo.

Nghiên cứu sinh

Có 2 hướng đào tạo tiến sĩ ở Ukraine: *Kandidat Nauk*, nghĩa đen là *Nghiên cứu sinh* và *Doktor Nauk*, hay '*Tiến sĩ Khoa học*'.

Điều kiện tiên quyết để được nhận vào chương trình *Kandidat Nauk* là bằng tốt nghiệp *Chuyên gia* hoặc *Thạc sĩ*. Chương trình đào tạo - hay còn gọi là *aspirantura* - bao gồm các bài giảng trên lớp, hội thảo và nghiên cứu cá nhân mỗi sinh viên, chương trình mất ba năm để hoàn thành, và được kết thúc với sự bảo vệ luận án trước hội đồng. Luận án sau khi đạt yêu cầu của hội đồng, sinh viên sẽ được trao bằng tốt nghiệp *Kandidat Nauk*.

Tiến sĩ Khoa học

Doktor Nauk là danh hiệu học thuật cao nhất có thể đạt được ở Ukraine. Việc tuyển sinh vô cùng hạn chế và có tính chọn lọc cao. Ủy ban Giáo dục Đại học của Ukraine quyết định nhập học dựa trên mức độ cấp tiến được thể hiện trong luận án, trong đó người học phải giải quyết một vấn đề khoa học cơ bản.

Chương trình giảng dạy tập trung hoàn toàn vào việc nghiên cứu. Doktor Nauk là một điều kiện tiên quyết cho bất kỳ ai muốn tiếp nhận học hàm giáo sư. Trong trường hợp nghiên cứu và bảo vệ luận án của các Nghiên cứu sinh, khi đạt yêu cầu của hội đồng, bằng tốt nghiệp Doktor Nauk có thể được trao trực tiếp sau khi. Không có bằng cấp tương đương ở Hà Lan.

Năm 2010, một phiên bản tiếng Anh của văn bằng này (Tiến sĩ Triết học - PhD) đã được giới thiệu cho sinh viên nước ngoài

■ Hệ thống đánh giá

Đến năm 2000, hệ thống giáo dục Ukraine dùng thang điểm đánh giá từ 5-2. Năm 2000, hệ thống tính điểm mới được áp dụng từ 1-12, với điểm 4 trở lên là qua.

Điểm số	Mô tả	Ý Nghĩa
10-12	<i>Vidminno</i>	Xuất sắc
7-9	<i>Dobre</i>	Tốt
4-6	<i>Zadovil'no</i>	Đạt
1-3	<i>Nezadovil'no</i>	Không đạt

- *Залик (зараховано)/Zalik (zarachovano)*: Đạt/qua (với tùy môn và bài kiểm tra).
- Khối lượng học tập thường không được thể hiện trong tín chỉ ECTS.

■ Quy trình Bologna

Năm 2005, Ukraine đã trở thành thành viên của Khu vực giáo dục đại học châu Âu (EHEA), hệ thống chung cho giáo dục đại học châu Âu bắt nguồn từ Hiệp định Bologna 1999. Bộ Giáo dục đã quy định rằng giáo dục Ukraine phải được tái cấu trúc hoàn toàn theo hệ thống văn bằng Cử nhân vào năm 2010. Để biết thêm thông tin về tình trạng hiện tại, vui lòng xem trang web của Khu vực Giáo dục Đại học Châu Âu (EHEA) [website of the European Higher Education Area](#) .

■ Khung văn bằng

Quá trình hoàn thành khung trình độ Ukraine vẫn đang được thực hiện để thêm các cấp học ngoài giáo dục Đại học.

■ Quản lý và kiểm định chất lượng

Ukraine không có hệ thống chính thức để xếp hạng các tổ chức giáo dục. Việc kiểm định chất lượng của các tổ chức công lập và tư nhân được tổ chức bởi Trung tâm Giáo dục và Phương pháp, thuộc Bộ Giáo dục và Khoa học chịu trách nhiệm quản lý chất lượng đào tạo. Bộ Giáo dục và Khoa học Ukraine nhìn chung chịu trách nhiệm tổng thể về chất lượng giáo dục đại học ở Ukraine.

Tất cả các tổ chức giáo dục đại học, bao gồm các tổ chức tư nhân, phải tuân theo một thủ tục đánh giá bắt buộc của Bộ. Thủ tục công nhận được tổ chức một lần trong 5 năm bởi HEIs của Ukraine. Điều này có nghĩa là danh sách các cơ sở giáo dục đại học được công nhận và các chương trình giáo dục đại học được công nhận vẫn đang hoạt động. Để có thông tin chi tiết về công nhận văn bằng, liên hệ tại link: [Ukrainian ENIC](#).

■ Công ước Quốc tế

Ukraine đã kí và chính thức là thành viên của Hiệp ước Lisbon vào năm 2000.

■ Phụ lục văn bằng

The Diploma Supplement (DS) được áp dụng ở Ukraine năm 2011, song song với đó là phụ lục văn bằng Quốc gia (bắt buộc). Phụ lục văn bằng sẽ được cấp theo nguyện vọng của người học, bằng Tiếng Anh/Nga hoặc Ukraine. Thông tin chi tiết về Phụ lục văn bằng có thể được tìm thấy ở link: [website of the European Commission](#).

■ Yêu cầu hồ sơ

Văn bằng Tốt nghiệp Trung học Phổ thông (*Atestat pro zagal'nu serednyu osvitu từ năm 2019, Svidotstvo pro zdobuttia povnoi zagalnoi serednoi osvity*), được cấp cùng bảng điểm và các môn học đăng kí thi tốt nghiệp. Hồ sơ yêu cầu để tham gia vào các chương trình giáo dục Đại học phải bao gồm cả 2 tài liệu trên . Thông tin chi tiết xem tại link: [Examples of diplomas](#).

Các văn bằng Giáo dục đại học của mỗi sinh viên phải có văn bằng (*Dypлом*) và bảng điểm kèm theo, cùng với các bản dịch công chứng. Văn bằng được cấp phải có quốc huy của Ukraine. Mẫu của các văn bằng [examples of these documents](#) được nêu chi tiết ở link [Osvita website](#).

■ Tổng quan về các cơ sở giáo dục Đại học

Thông tin về trạng thái của các cơ sở giáo dục Đại học có thể được tìm thấy ở link: [Ukrainian ENIC](#) hoặc [its list of Ukrainian HEIs](#).

■ Thông tin thêm

- [Ministry of Education and Science of Ukraine](#)
- [ENIC Ukraine](#)

■ **Các phiê bằng mẫ**

Свідоцтво про здобуття повної загальної середньої освіти –тър năm 2019 *Svidotstvo pro zdobuttia povnoi zagalnoi serednoi osvity* (Chứng nhận tốt nghiệp Trung học Phổ thông) – mặt trước





Свідоцтво про здобуття повної загальної середньої освіти – từ năm 2019 *Svidotstvo pro zdobuttia povnoi zagalnoi serednoi osvity* (Chứng nhận tốt nghiệp Trung học Phổ thông) – Thông tin của người được cấp bằng

Свідоцтво про здобуття повної загальної середньої освіти – từ năm 2019
Svidotstvo pro zdobuttia povnoi zagalnoi serednoi (Chứng nhận tốt nghiệp Trung học Phổ thông) – Phụ lục



ДОДАТОК ДО СВИДОЦТВА
про здобуття повної загальної середньої освіти
КВ № 01600177
(без свідоцтва вє дійсний)

[Redacted]

здобує повну загальну середню освіту в 2019 році у
Приватному загальноосвітньому навчальному закладі
(повне найменування закладу освіти)
"Фінансово - правовий ліцей"

з такими результатами:

назва предмета	бал
українська мова	десять
українська література	вісім
англійська мова	дванадцять
зарубіжна література	дванадцять
математика	вісім
правознавство	дванадцять
інформатика	дванадцять
історія України	дев'ять
всесвітня історія	десять
технології	дванадцять
людина і світ	дванадцять

фізика	дев'ять
хімія	десять
художня культура	дванадцять
біологія	одинадцять
екологія	одинадцять
астрономія	дванадцять
психологія	дванадцять
географія	дев'ять
економіка	одинадцять
фізична культура	дванадцять
захист Вітчизни	дванадцять

Пройшов державну підсумкову атестацію з таких предметів:

назва предмета	бал
українська мова	десять
історія України	дев'ять
англійська мова	дванадцять

Свідоцтво про здобуття повної загальної середньої освіти – từ năm 2019
Svidotstvo pro zdobuttia povnoi zagalnoi serednoi osvity (Chứng nhận tốt nghiệp Trung học Phổ thông) – bảng điểm

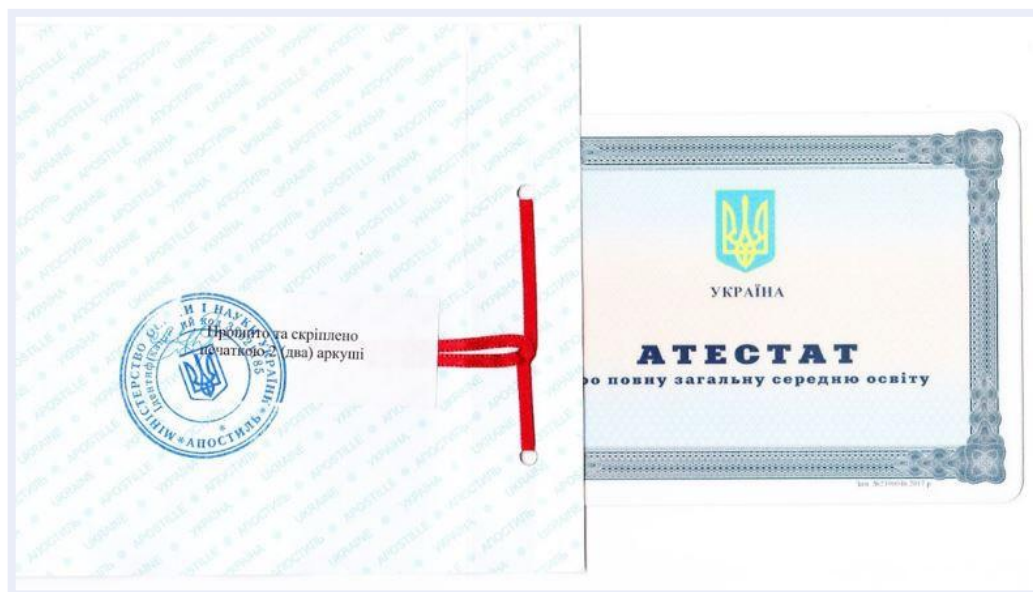
Свідоцтво про здобуття повної загальної середньої освіти – từ năm 2019 *Svidotstvo pro zdobuttia povnoi zagalnoi serednoi osvity* Chứng nhận tốt nghiệp Trung học Phổ thông) – bản dịch học bạ và bảng điểm

SUPPLEMENT TO CERTIFICATE About Completed General Secondary Education		Physics	Nine
Number: KB #5 <small>(not valid without Atestat)</small>		Chemistry	Nine
[REDACTED]		Arts Culture	Twelve
		Biology	Eleven
(name, surname, patronymic)		Ecology	Eleven
		Astronomy	Twelve
Received completed General Secondary Education in year 2019		Psychology	Twelve
		Geography	Nine
Lyceum of Finance and Law <small>(name of educational establishment)</small>		Economics	Eleven
		Physical Culture	Twelve
With the following grades:		Motherland Protection	Twelve
Ukrainian Language	Ten		
Ukrainian Literature	Eight		
English Language	Twelve		
Foreign Literature	Twelve		
Mathematics	Eight		
Law	Twelve		
Informatics	Twelve		
History of Ukraine	Nine		
World History	Ten		
Technologies	Twelve		
World and Humanity	Twelve		
		Completed state final attestation on following subjects:	
		Subject:	Grade:
		Ukrainian Language	Ten
		History of Ukraine	Ten
		English Language	Twelve
Successfully completed the curriculum of elective subjects:		SUPPLEMENT TO CERTIFICATE About Completed General Secondary Education	
(name)			
For distinctions in academic studies, awarded:		SUPPLEMENT TO CERTIFICATE About Completed General Secondary Education	
For prominent distinctions in			
Awarded with certificate of excellence			
Headmaster	Signature		
Name: I.A. M			
<small>Stamp: Kyiv, Ukraine, Private Educational Establishment, Lyceum of Finance and Law</small>			
Date: June 26, Kyiv, Ukraine		Number: AA #	
Registration number: 115			

Атестат про повну загальну середню освіту – trước năm 2019

Atestat pro zagal'nu serednyu osvitu (Văn bằng chứng nhận hoàn thành chương trình Trung học) – mặt trước

Từ năm 2019, văn bằng này được gọi là: Свідоцтво про здобуття повної загальної середньої освіти/*Svidotstvo pro zdobuttia povnoi zagalnoi serednoi osvity* (Chứng nhận tốt nghiệp Trung học Phổ thông).



Атестат про повну загальну середню освіту – trước năm 2019

Atestat pro zagal'nu serednyu osvitu (Văn bằng chứng nhận hoàn thành chương trình Trung học) – mặt sau



Атестат про повну загальну середню освіту – before 2019

Atestat pro zagal'nu serednyu osvitu (Chứng nhận hoàn thành chương trình Trung học)



Атестат про повну загальну середню освіту – trước năm 2019

Atestat pro zagal'nu serednyu osvitu (Chứng nhận hoàn thành chương trình Trung học) – Bảng điểm

ДОДАТОК ДО АТЕСТАТА про повну загальну середню освіту			
КХ			
(без)			
Пав:		І	
здобу в повну загальну середню освіту в 20 17 році у КЗ «Броварська районна вечірня ЗОШ II-III ст. <small>(повне назвоназначення державного закладу)</small> Броварського району Київської області»			
з такими балами:			
назва предмета	бал	назва предмета	бал
українська мова	одинадцять	біологія	одинадцять
українська література	одинадцять	фізика	одинадцять
зарубіжна література	одинадцять	астрономія	одинадцять
іноземна мова	одинадцять	основи здоров'я	одинадцять
художня культура	одинадцять	захист Вітчизни	одинадцять
алгебра і початки аналізу	одинадцять	фізична культура	одинадцять
геометрія	одинадцять	трудове навчання	одинадцять
інформатика	одинадцять	людина і світ	одинадцять
історія України	одинадцять	правознавство	одинадцять
всесвітня історія	одинадцять	економіка	одинадцять
географія	одинадцять	екологія	одинадцять
хімія	одинадцять		
		Пройш оє державну підсумкову атестацію з таких предметів:	
		назва предмета	бал
		українська мова	одинадцять
		історія України	одинадцять
		географія	одинадцять
		Середній бал атестата - 11,0	

Диплом бакалавра
Văn bằng Cử nhân Bakalavr
Mặt trước



Диплом бакалавра
Văn bằng Cử nhân Bakalavr
Mặt sau



Диплом бакалавра
Văn bằng Cử nhân Bakalavr
 Phụ lục văn bằng, trang 1

Письмова кваліфікаційна робота (теза, час виконання, оцінка) захищена дипломна робота "Сучасні проблеми функціонування долару США" з оцінкою 90/відмінно А		ДОДАТКОВА ІНФОРМАЦІЯ Тип закладу освіти ДНУ — державний вищий навчальний заклад ІУ ривні акредитації		Додаток до диплома про вищу освіту	
Атестація (державні іспити): Назва дисципліни (курсу) Оцінка Державний комплексний екзамен за фахом (протокол № 1 від 12 червня 2013 р.) 76/добре/С		Умови вступу Зарплатосамій(а) за конкурсом сертифікатів Українського центру оцінювання якості освіти		Прізвище І.Ф.І., по батькові	
Державний екзамен з іноземної мови (англійська) (протокол № 1 від 14 червня 2013 р.) 62/задовільно/Б		Викоти програми навчання повна загальна середня освіта		Дата народження Позаданий документ про освіту атестат про нову загальну середню освіту НГ	
Рівняння державної екзаменаційної комісії від 17 червня 2013 р. присвоєно кваліфікацію бакалавра з міжнародної економіки		Початкове навчальне закладення Формується в академічних годинах та кредитах ECTS. Початковий рік склада- еться з двох семестрів. Мінімальне навчальне наван- таження, необхідне для отримання диплома — 8640 годин/240 кредитів ECTS		Повна назва закладу освіти Дніпропетровський національний університет імені Олеся Гончара (ДНУ)	
Назва диплома диплом бакалавра		Система іспитів модульній рейтинговій оцінці, семестровій рейтинговій оцінці, семестровій зацінці та екзамені		Назва диплома диплом бакалавра	
Місце Дніпропетровськ 29 червня 2013 р.		Шкала оцінок за національного шкалою екса- мени і диференційовані зацінки оцінюються за чо- тирьма бальними мислами: "відмінно", "добре", "задовільно", "незадовіль- но" — зацінки — за десятибальною: "зараховано", "незараховано"; за шкалою ECTS: А (90-100 балів), В (82-89 балів), С (75-81 балів), D (64-74 балів), E (60-63 балів), FХ (1-59 балів)		Тип (вида) програми освітньо-професійна програма підготовки (ОПНП) бакалавра Термін навчання 3 роки і 10 місяців Форма навчання денна Напрямок підготовки/спеціальність Міжнародна економіка	
Реєстраційний номер 07/13		Спеціальність		Спеціальність	
		Період практики Виробнича - 2 тижні		Період практики Виробнича - 2 тижні	
		Академічні права отримання нової вищої освіти зі спеціальності відповідного напрямку підготовки та здобуття кваліфікації спеціаліста або магістра		Академічні права отримання нової вищої освіти зі спеціальності відповідного напрямку підготовки та здобуття кваліфікації спеціаліста або магістра	
		Професійні права фахівець з напрямку підготовки "Міжнародна економіка"		Професійні права фахівець з напрямку підготовки "Міжнародна економіка"	
		Дата вступу 01 вересня 2009 року		Дата вступу 01 вересня 2009 року	
		Дата випуску 29 червня 2013 року		Дата випуску 29 червня 2013 року	
		Додатковий документ про освіту		Додатковий документ про освіту	
		121		121	

Диплом бакалавра
Văn bằng Cử nhân Bakalavr
Phụ lục văn bằng, trang 2

Програма навчання складається з наступних дисциплін (курсів):			1	2	3	1	2	3
Назва дисципліни (курсу)	Навчальні час	Оцінка						
1	2	3						
1. Фізичне виховання	246/-	90/відмінно/А	27. Ділова іноземна мова (англійська)	180/5	75/зарховано/С	51. Міжнародні організації	108/3	85/зарховано/В
2. Українська мова (за професійним спрямуванням)	108/3	73/задовільно/Д	28. Політологія	72/2	65/зарховано/Д	52. Курсові роботи		
3. Іноземна мова (англійська)	180/5	84/добре/В	29. Статистика	180/5	84/добре/В	- Міжнародна економіка		80/добре/С
4. Історія України	108/3	64/задовільно/Д	30. Маркетинг	180/5	60/задовільно/Е	- Міжнародні фінанси		80/добре/С
5. Фінансове право	72/2	75/зарховано/С	31. Гроші та кредит	180/5	82/добре/В	- Політична економія		80/добре/С
6. Реплізнавство	72/2	70/зарховано/Д	32. Бухгалтерський облік	180/5	75/добре/С	53. Виробнича практика	108/3	96/відмінно/А
7. Філософія	108/3	90/відмінно/А	33. Фінанси підприємства	108/3	84/зарховано/В	54. Дипломна робота	108/3	
8. Політична економія	180/5	70/задовільно/Д	34. Міжнародні економічні відносини	108/3	75/зарховано/С			
9. Історія економіки та економічної думки	180/5	90/відмінно/А	35. Міжнародне економічне право	180/5	69/задовільно/Д			
10. Математика для економістів (включає математика, теорія ймовірностей, математична статистика)	360/10	70/задовільно/Д	36. Облік у зарубіжних країнах	180/5	90/відмінно/А			
11. Економічна інформатика	180/5	75/добре/С	37. Безпека життєдіяльності (безпека життєдіяльності, основи охорони праці)	72/2	90/відмінно/А			
12. Менеджмент	180/5	75/добре/С	38. Друга іноземна мова (іспанська)	360/3,5	74/задовільно/Д			
13. Економіка підприємства	180/5	90/відмінно/А	39. Митне регулювання зовнішньоекономічної діяльності	108/3	90/зарховано/А			
14. Зовнішня політика України	198/5,5	75/зарховано/С	40. Контролінг	108/3	75/зарховано/С			
15. Іноземна мова професійного спрямування	198/5,5	70/зарховано/Д	41. Інноваційна діяльність міжнародних корпорацій	144/4	90/зарховано/А			
16. Іноземна мова (англійська поглиблене вивчення)	324/9	67/задовільно/Д	42. Національна економіка	180/5	84/добре/В			
17. Мікроекономіка	180/5	71/задовільно/Д	43. Інвестування	108/3	90/зарховано/А			
18. Макроекономіка	180/5	60/задовільно/Е	44. Управління фінансовими потоками підприємства	108/3	90/зарховано/А			
19. Економіко-математичне моделювання	180/5	72/задовільно/Д	45. Міжнародні фінанси	180/5	75/добре/С			
20. Фінанси	180/5	80/добре/С	46. Міжнародний маркетинг	180/5	84/добре/В			
21. Економіка праці і соціально-трудові відносини	180/5	75/добре/С	47. Міжнародна економічна діяльність	180/5	93/відмінно/А			
22. Міжнародна економіка	360/10	80/добре/С	48. Ділова іноземна мова (англійська)	396/11	78/добре/С			
23. Регіональна економіка	180/5	92/відмінно/А	49. Європейська інтеграція, регіоналізм та інтеграція в сучасному світі	162/4,5	86/зарховано/В			
24. Страхування	108/3	60/зарховано/Е	50. Фінансові системи зарубіжних країн	108/3	90/зарховано/А	ВСЬОГО	8640/240	
25. Бізнес-планування	126/3,5	93/зарховано/А						
26. Історія української культури	72/2	76/добре/С						

Диплом бакалавра

Văn bằng Cử nhân

Bản dịch tiếng Anh của Phụ lục văn bằng trang 1

Translation from Ukrainian into English

SUPPLEMENT
to the diploma of higher education
HP No. 45
(not valid without diploma)

Name: [REDACTED]
Patronymic: [REDACTED]
Surname: K [REDACTED]
Date of birth: [REDACTED]
Previous certificate of education: Certificate of complete secondary education HP No. 31 [REDACTED]
Full name of educational institution: Dnipropetrovsk National University named after Oles Honchar (DNU)
Name of the diploma: Bachelor's Degree Diploma
Type of program: Educational and professional training program (EPTP) for Bachelor
Term of study: 3 years and 10 months
Mode of study: full-time
Field of training/specialty: "International economy"
Specialization: N/A
Training period: Internship 2 weeks
Academic rights: receiving higher education in the corresponding to major specialties and obtaining the qualification of Specialist or Master
Professional rights: Specialist in "International economy"
Date of entry: September 1, 2009
Date of graduation: June 29, 2013
Additional documents confirming education: N/A
12 BC No. 71 [REDACTED]

ADDITIONAL INFORMATION

Type of educational institution: DNU – state higher educational institution of IV level of accreditation
Entrance Requirements: on the basis of competition between the certificates of the Ukrainian Centre of Education Quality Assessment
Program Requirements: complete secondary education
Academic load: is formed in academic hours and ECTS credits. Academic year consists of two semesters. Minimal academic load necessary for obtaining the diploma is 8640 hours/240 ECTS credits
Examination system: module rating assessments, semester rating assessments, semester assessments and exams
Grading scale: according to the national scale exams and differentiated assessments are graded according to a four-point grade scale: "Excellent", "Good", "Satisfactory", "Unsatisfactory"; assessments are graded according to a two-point grade scale: "Passed", "Not passed"; according to ECTS scale: A (90-100), B (82-89), C (75-81), D (64-74), E (60-63), FX (1-59)
Written qualifying paper (topic, period of fulfilment, grade): Diploma paper "Modern problems of the USD functioning" was defended with the assessment 90/Excellent/A
Certification (state examinations):

Name of subject (course)	Grade
State complex examination in major (protocol No. 1 as of June 12, 2013)	76/Good/C
State examination in foreign language (English) (protocol No. 1 as of June 14, 2013)	62/Satisfactory/E

By decision of the State Examination Board as of June 17, 2013 the qualification of **Bachelor in international economics** was conferred.

Head of State Examination Board /signature/
Rector (president) /signature/

City of Dnipropetrovsk
June 29, 2013
Registration No. 07 [REDACTED]

ROUND SEAL: Ministry of Education and Science of Ukraine/02066747/Dnipropetrovsk National University named after Oles Honchar/State emblem

Văn bằng Cử nhân Bakalavr

Bản dịch Tiếng Anh của Phụ lục văn bằng, trang 2

Educational program consists of the following subjects (courses):

Name of subject (course)	Academic hours	Grade	Name of subject (course)	Academic hours	Grade
1. Physical education	246/-	90/Excellent/A	41. Innovative activity of international corporations	144/4	90/Passed/A
2. Business Ukrainian	108/3	73/Satisfactory/D	42. National economy	180/5	84/Good/B
3. Foreign language (English)	180/5	84/Good/B	43. Investment activity	108/3	90/Passed/A
4. History of Ukraine	108/3	64/Satisfactory/D	44. Management of financial flows of an enterprise	108/3	90/Passed/A
5. Financial law	72/2	75/Passed/C	45. International finances	180/5	75/Good/C
6. Religious science	72/2	70/Passed/D	46. International marketing	180/5	84/Good/B
7. Philosophy	108/3	90/Excellent/A	47. International economic activity	180/5	93/Excellent/A
8. Political economy	180/5	70/Satisfactory/D	48. Business foreign language (English)	396/11	78/Good/C
9. History of economy and economic thought	180/5	90/Excellent/A	49. European integration, regionalism and integration in the modern world	162/4.5	86/Passed/B
10. Mathematics for economists (advanced mathematics, theory of probability, mathematical statistics)	360/10	70/Satisfactory/D	50. Financial systems of foreign countries	180/3	90/Passed/A
11. Economic computer science	180/5	75/Good/C	51. International organizations	108/3	85/Passed/B
12. Management	180/5	75/Good/C	52. Course papers:		
13. Economics of enterprise	180/5	90/Excellent/A	- International economy		80/Good/C
14. Foreign politics of Ukraine	198/5.5	75/Passed/C	- International finances		80/Good/C
15. Foreign language (professional field)	198/5.5	70/Passed/D	- Political economy		80/Good/C
16. Foreign language (profound study of English language)	324/9	67/Satisfactory/D	53. Internship	108/3	96/Excellent/A
17. Microeconomics	180/5	71/Satisfactory/D	54. Diploma paper	108/3	-----
18. Macroeconomics	180/5	60/Satisfactory/E			
19. Mathematical and economic modelling	180/5	72/Satisfactory/D			
20. Finances	180/5	80/Good/C			
21. Economics of labour and social-and-employment relations	180/5	75/Good/C			
22. International economy	360/10	80/Good/C			
23. Regional economy	180/5	92/Excellent/A			
24. Insurance	108/3	60/Passed/E			
25. Business planning	126/3.5	93/Passed/A			
26. History of Ukrainian culture	72/2	76/Good/C			
27. Business foreign language (English)	180/5	75/Passed/C			
28. Political science	72/2	65/Passed/D			
29. Statistics	180/5	84/Good/B			
30. Marketing	180/5	60/Satisfactory/E			
31. Moneys and credit	180/5	82/Good/B			
32. Accounting	180/5	75/Good/C			
33. Finances of enterprises	108/3	84/Passed/B			
34. International economics	108/3	75/Passed/C			
35. International economic law	180/5	69/Satisfactory/D			
36. Accounting in foreign countries	180/5	90/Excellent/A			
37. Life safety education (life safety, basics of labour protection)	72/2	90/Excellent/A			
38. Second foreign language (Spanish)	360/3.5	74/Satisfactory/D			
39. Customs regulation of international economic activity	108/3	90/Passed/A			
40. Controlling	108/3	75/Passed/C			
			TOTAL	8640/240	